

Số: 10.08 -2024/QHCD-HATS

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2024

BẢN GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KQKD 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Mã chứng khoán: **HAH**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và thay đổi lần thứ 17 ngày 05/07/2024.

Chúng tôi xin giải trình kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 biến động tăng/giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm 2023 như sau:

Nội dung	Đơn vị tính	6T2024	6T2023	Chênh lệch
BCTC hợp nhất				
- Doanh thu thuần	đồng	1.652.886.687.515	1.266.564.990.887	30,50%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	đồng	171.060.736.115	216.229.741.613	-20,89%
BCTC công ty mẹ				
- Doanh thu thuần	đồng	628.127.215.860	580.473.922.376	8,21%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	đồng	164.768.034.697	214.058.280.066	-23,03%

Nguyên nhân dẫn đến KQKD 6 tháng đầu năm nay giảm 20,89% (BC hợp nhất) và giảm 23,03% (BC công ty mẹ) so với 6 tháng đầu năm trước do:

+ Giá cho thuê tàu giảm (6 tháng đầu năm trước vẫn giữ được mức giá cho thuê cao do các hợp đồng đã ký trước đó.)

+ Sản lượng hoạt động khai thác tàu tăng nhưng giá cước vận tải bình quân giảm so với cùng kỳ, cùng với chi phí cho đội tàu tăng do thêm 02 tàu đưa vào sử dụng trong kỳ là HA Alfa và HA Beta dẫn đến lợi nhuận hoạt động khai thác tàu giảm.

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Tuấn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ XÉP DỠ HẢI AN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 44



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh từ lần thứ 1 đến lần thứ 17 về việc thay đổi địa chỉ công ty, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thành viên góp vốn, thay đổi vốn điều lệ. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 được cấp ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc tăng vốn điều lệ.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 987 7515
- Fax : 0243 944 4022

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau :

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Vận tải đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy và dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Trúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Anh Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2024

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Việt Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	Ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 9 năm 2021
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 9 năm 2021
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	Ngày 01 tháng 6 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Số: 2.0500/24/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội****Trần Kim Anh – Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.069.938.626.973	1.236.175.555.108
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	166.623.238.246	131.305.891.161
1. Tiền	111		131.623.238.246	49.155.891.161
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	82.150.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.500.000.000	36.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	27.500.000.000	36.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		691.267.685.468	914.185.936.475
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	171.049.942.743	154.623.576.319
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	259.392.714.970	435.674.604.499
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	80.600.000.000	58.600.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	180.389.861.367	265.452.589.269
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(164.833.612)	(164.833.612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		22.578.801.616	29.016.455.017
1. Hàng tồn kho	141	V.8	22.578.801.616	29.016.455.017
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		161.968.901.643	125.167.272.455
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	11.500.202.230	9.175.487.543
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		150.468.699.413	115.991.784.912
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.595.582.388.515	2.970.356.124.497
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		163.157.700.000	187.157.700.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	12.314.550.000	36.314.550.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	150.843.150.000	150.843.150.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.962.832.157.237	2.440.919.589.423
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.959.160.504.346	2.438.789.936.808
<i>Nguyên giá</i>	222		3.954.019.466.791	3.317.893.545.706
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(994.858.962.445)	(879.103.608.898)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.671.652.891	2.129.652.615
<i>Nguyên giá</i>	228		8.316.325.236	6.541.325.236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.644.672.345)	(4.411.672.621)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.316.521.053	11.988.744.472
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	6.316.521.053	11.988.744.472
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	396.541.242.876	269.671.693.766
1. Đầu tư vào công ty con	251		418.562.476.376	294.138.800.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.494.000.000	1.494.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		866.500	866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(23.516.100.000)	(25.961.972.734)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		66.734.767.349	60.618.396.836
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	66.734.767.349	60.618.396.836
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.665.521.015.488	4.206.531.679.605

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.240.696.102.182	1.911.969.800.996
I. Nợ ngắn hạn	310		564.833.129.266	629.310.598.700
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	43.490.599.430	37.384.675.662
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	21.446.430.654	81.509.870.607
4. Phải trả người lao động	314		9.747.582.384	7.235.554.326
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	28.238.105.916	5.666.241.315
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	7.290.587.170	3.061.635.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	96.170.322.208	170.236.614.439
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	247.986.144.917	238.960.019.104
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	110.463.356.587	85.255.988.247
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.675.862.972.916	1.282.659.202.296
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	625.218.000.000	625.218.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	1.050.644.972.916	657.441.202.296
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.424.824.913.306	2.294.561.878.609
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	2.424.824.913.306	2.294.561.878.609
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.055.168.810.000	1.055.168.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.055.168.810.000	1.055.168.810.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.640.648.159	191.640.648.159
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		702.697.070.809	554.816.070.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		475.318.384.338	492.936.349.641
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		310.550.349.641	492.936.349.641
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		164.768.034.697	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.665.521.015.488	4.206.531.679.605

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	628.127.215.860	580.473.922.376
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		628.127.215.860	580.473.922.376
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	400.253.074.986	289.133.275.582
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		227.874.140.874	291.340.646.794
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.951.015.084	20.600.867.673
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	24.831.272.355	39.770.475.772
Trong đó: chi phí lãi vay	23		24.186.778.318	21.560.765.616
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	21.071.992.564	12.769.669.427
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		191.921.891.039	259.401.369.268
11. Thu nhập khác	31	VI.6	3.230.746.666	2.164.035.621
12. Chi phí khác	32	VI.7	92.641.456	483.720.262
13. Lợi nhuận khác	40		3.138.105.210	1.680.315.359
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		195.059.996.249	261.081.684.627
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	30.291.961.552	47.023.404.561
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		164.768.034.697	214.058.280.066
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	195.059.996.249	261.081.684.627
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	102.697.318.139	77.577.558.005
- Các khoản dự phòng	03 V.2b	(2.445.872.734)	17.817.685.266
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	(451.271.376)	(186.354.510)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.313.633.985)	(18.679.710.495)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	24.186.778.318	21.560.765.616
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	308.733.314.611	359.171.628.509
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	44.338.847.611	57.523.692.390
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	6.437.653.401	(1.032.929.223)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(18.643.786.050)	97.419.239.460
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	20.619.612.406	(19.855.509.777)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(13.087.061.748)	(31.574.087.745)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.13	(90.417.326.029)	(131.669.092.891)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.18	(9.297.631.660)	(7.062.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	248.683.622.542	322.920.940.723
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(648.866.451.770)	(241.040.387.320)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	10.873.209.563	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(26.000.000.000)	(30.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	37.000.000.000	50.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(23.516.100.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.070.594.591	24.717.731.452
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(614.922.647.616)	(219.838.755.868)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.17	553.520.355.018	96.265.448.896
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.17a	(152.155.761.615)	(172.088.516.461)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.960.000)	(585.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	401.348.633.403	(76.408.267.565)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	35.109.608.329	26.673.917.290
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	131.305.891.161	129.438.097.542
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	207.738.756	172.861.619
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	166.623.238.246	156.284.876.451

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hảo

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Vận tải đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy và dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kết quả kinh doanh kỳ này giảm so với kỳ trước chủ yếu từ hoạt động khai thác tàu: doanh thu khai thác tàu giảm do giá cước vận tải đường biển và giá cho thuê tàu giảm so với kỳ trước, giá vốn của hoạt động khai thác tàu tăng chủ yếu do chi phí khấu hao của các tàu mới.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	Tầng 02, Tòa nhà Đinh Vũ Plaza thuộc Khu dịch vụ cuối tuyến Đinh Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyễn Cái Mép	Tổ 13 Khu phố Thị Vải, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Bãi Container và Dịch vụ cảng	51,54%	51,54%	51,54%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty chi đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An có trụ sở chính tại Văn phòng 3B, tầng 3, tòa B, tòa nhà Green Pearl, số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 36,16%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 79 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 77 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu, chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước là tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-20
Máy móc, thiết bị	03-10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06-15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định hữu hình khác	04-10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 đến 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Trái phiếu

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn), do đó, được kế toán như trái phiếu thường, theo quy định tại Điều 59, Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu được phản ánh theo mệnh giá. Công ty không phát sinh các khoản chiết khấu trái phiếu hoặc phụ trội trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	522.891.422	326.671.913
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	131.100.346.824	48.829.219.248
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	35.000.000.000	82.150.000.000
Cộng	166.623.238.246	131.305.891.161

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

Là tiền gửi có kỳ hạn còn lại từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	418.562.476.376	(23.516.100.000)	294.138.800.000	(25.961.972.734)
Công ty TNHH Cảng Hải An	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	101.000.000.000	-	101.000.000.000	-
Công ty TNHH Pan Hải An	139.622.700.000	-	139.622.700.000	(2.445.872.734)
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	23.516.100.000	(23.516.100.000)	23.516.100.000	(23.516.100.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyễn Cái Mép	124.423.676.376	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	1.494.000.000	-	1.494.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	1.494.000.000	-	1.494.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	866.500	-	866.500	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000	-	864.000	-
Công ty Cổ phần MHC	2.500	-	2.500	-
Cộng	420.057.342.876	(23.516.100.000)	295.633.666.500	(25.961.972.734)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Cảng Hải An		100,00%		100,00%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An		50,50%		50,50%
Công ty TNHH Pan Hải An		51,00%		51,00%
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An		51,00%		51,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép (*)	4.638.600	51,54%	-	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	1.553.760	36,16%	1.553.760	36,16%

- (*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 0312-2023/BB-HĐQT ngày 06/12/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc nhận chuyển nhượng 4.638.600 cổ phần, tương đương 51,54% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép từ ông Lê Phong Hiếu và bà Đỗ Thị Hải Yến với giá chuyển nhượng là 124.423.676.376 VND. Ngày 31/3/2024, Công ty đã hoàn thành thủ tục nhận chuyển nhượng.

Theo Nghị quyết số 0806-2024/NQ-HĐQT ngày 29/6/2024, Hội đồng quản trị thông qua việc thoái vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho 01 cá nhân. Theo thỏa thuận hợp đồng, thủ tục sang tên cổ phần sẽ được thực hiện ngay sau khi Công ty nhận được 100% giá trị chuyển nhượng.

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước. Riêng Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép đang trong quá trình thực hiện các thủ tục pháp lý của Dự án, chưa phát sinh hoạt động kinh doanh.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	25.961.972.734	14.186.716.229
Trích lập dự phòng bổ sung	-	17.817.685.266
Hoàn nhập dự phòng	(2.445.872.734)	-
Số cuối kỳ	23.516.100.000	32.004.401.495

Giao dịch với công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Cảng Hải An		
Cho Công ty con thuê văn phòng	1.025.631.816	1.271.269.981
Sử dụng dịch vụ quản lý Cảng của Công ty con	31.981.000.000	21.204.742.634
Sử dụng dịch vụ quản lý tòa nhà của Công ty con	492.000.000	492.000.000
Sử dụng dịch vụ cấp nước ngọt của Công ty con	161.550.000	-
Doanh thu khai thác Cảng Công ty con thu hộ	159.669.478.097	110.034.683.393

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty con chia lợi nhuận	5.052.340.898	15.716.661.179
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An		
Cho Công ty con thuê văn phòng	503.018.654	589.622.332
Cho Công ty con thuê tàu	229.185.283.624	168.423.555.000
Giao lại dầu tồn trên tàu	12.761.731.199	26.144.273.064
Cung cấp dịch vụ khác cho Công ty con	4.007.930.000	17.537.514.749
Bán tài sản cố định, công cụ dụng cụ cho Công ty con	8.000.000.000	1.263.636.363
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	33.405.275.568	21.421.629.862
Nhận lại dầu tồn trên tàu	10.845.430.880	18.692.850.709
Chia lợi nhuận BCC cho Công ty con	16.121.736.763	42.275.491.774
Nhận lợi nhuận BCC từ Công ty con	9.428.794.192	8.987.983.695
Công ty TNHH Pan Hải An		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	268.160.000	1.208.280.000
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	989.875.736	607.256.019
Thuê xe nâng của Công ty con	420.000.000	1.500.000.000
Thu gốc cho vay từ Công ty con	-	20.000.000.000
Lãi cho Công ty con vay	313.040.000	625.400.000
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An		
Góp vốn vào Công ty con	-	23.516.100.000
Cho Công ty con thuê văn phòng	168.067.646	138.834.070
Cho Công ty con thuê tàu	12.681.351.139	22.594.110.000
Giao lại dầu tồn trên tàu	-	9.480.762.548
Cung cấp dịch vụ khác cho Công ty con	6.725.237.573	2.278.537.335
Nhận lại dầu tồn trên tàu	4.033.008.684	7.885.749.366
Chi hộ Công ty con		1.932.174.872
Lãi cho Công ty con vay	1.285.131.577	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	127.527.735	121.594.345
Chia lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết	2.401.672.815	6.510.852.620
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	159.255.284.270	143.933.348.226
Công ty TNHH Cảng Hải An	45.801.403.858	48.868.710.999
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	108.500.163.266	60.336.029.112
Công ty TNHH Pan Hải An	863.356.549	876.169.544
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	2.097.229.883	31.422.556.613
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	37.219.275	49.758.007
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1.346.489.342	1.686.932.596
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	13.636.620	15.531.600
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	595.785.477	677.659.755
Phải thu các khách hàng khác	11.794.658.473	10.690.228.093
Cộng	171.049.942.743	154.623.576.319

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Huanghai Shipbuilding Co., Ltd. (*)	255.722.432.000	434.925.760.600
Các nhà cung cấp khác	3.670.282.970	748.843.899
Cộng	259.392.714.970	435.674.604.499

(*) Tạm ứng theo giai đoạn cho 01 hợp đồng đóng mới 01 tàu container tải trọng 1.800 TEU. Thời gian dự kiến bàn giao trong năm 2024.

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho các bên liên quan vay	32.600.000.000	8.600.000.000
Công ty TNHH Pan Hải An ⁽ⁱ⁾	8.600.000.000	8.600.000.000
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An – Cho vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.5b)	24.000.000.000	-
Cho cá nhân khác vay	48.000.000.000	50.000.000.000
Ông Lê Phong Hiếu ⁽ⁱⁱ⁾	48.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	80.600.000.000	58.600.000.000

(i) Là khoản cho Công ty TNHH Pan Hải An (công ty con) vay theo hợp đồng vay chuyển đổi số 01/HĐVV/HATS-PHA ký ngày 19/11/2019 với lãi suất 5%/năm, thời hạn vay 5 năm và thời gian ân hạn là 02 năm kể từ ngày liền sau ngày giải ngân lần đầu của khoản vay (ngày 19 tháng 11 năm 2019). Số dư nợ gốc có thể hoàn trả một lần hoặc nhiều lần kể từ sau khi hết thời gian ân hạn. Theo Phụ lục số 03 ngày 01/01/2022, lãi suất cho vay cố định được điều chỉnh lên 7,8%/năm bắt đầu từ ngày 01/01/2022.

(ii) Là các khoản cho Ông Lê Phong Hiếu vay để nộp tiền thuê đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 12%/năm, nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn. Khoản vay đầu tiên phát sinh từ ngày 12 tháng 5 năm 2020. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số CC481398. Theo cam kết trả nợ mới nhất ngày 12/7/2024, khoản cho vay sẽ được hoàn trả muộn nhất trước ngày 30/12/2024, đồng thời số tiền lãi của gốc vay được gia hạn tính theo lãi suất thỏa thuận, không tính lãi phạt và tiền lãi phát sinh trên số tiền lãi lũy kể đến kỳ hạn.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Cho vay Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An (công ty con) theo Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/HATS-ZHA ký ngày 02/10/2023 với lãi suất 7%/năm, thời hạn vay 2 năm. Theo Phụ lục số 01 ngày 02/10/2023, số dư nợ gốc hoàn trả vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/01/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	86.595.258.620	-	61.739.498.158	-
Công ty TNHH Cảng Hải An - Lợi nhuận được chia	2.150.045.251	-	7.097.704.353	-
Phải thu về kết quả hoạt động BCC	84.320.357.614	-	54.502.040.774	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	4.182.293.248	-	3.132.933.933	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	80.138.064.366	-	51.369.106.841	-
Các khoản chi hộ bên liên quan	124.855.755	-	139.753.031	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	93.794.602.747	-	203.713.091.111	-
Tạm tính doanh thu	2.590.237.562	-	-	-
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án ⁽ⁱ⁾	-	-	124.423.676.376	-
Ký cược, ký quỹ	215.109.000	-	141.470.000	-
Tạm ứng	5.674.036.800	-	4.121.500.000	-
Chi phí tổn thất sự cố tàu Hai An City chờ bồi thường ⁽ⁱⁱ⁾	83.605.090.205	-	73.925.261.495	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.710.129.180	-	1.101.183.240	-
Cộng	180.389.861.367	-	265.452.589.269	-

(i) Xem thuyết minh V.2b

(ii) Chi tiết chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu Hai An City như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí Công ty đã chi trả	199.933.564.212	199.933.564.212
Bảo hiểm tạm ứng tiền bồi thường	(76.008.302.717)	(76.008.302.717)
Ước tính chi phí tổn thất không được bồi thường (25%/tổng chi phí)	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
Chi phí tổn thất chung nhận phân chia từ MCO (*)	9.679.828.710	-
Số còn lại chờ bồi thường	83.605.090.205	73.925.261.495

(*) Ngày 28/6/2024, Công ty nhận được chi phí tổn thất chung phân chia từ Marine Claims Office Of Asian (MCO) số tiền 384.235 USD, tương ứng 9.679.828.710 VND. Công ty đang tiếp tục làm việc với MCO và Tổng Công ty bảo hiểm PVI để xác định số tiền được bồi thường.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan về hợp tác kinh doanh	150.769.150.000	-	150.769.150.000	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ⁽ⁱ⁾	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên ⁽ⁱⁱ⁾	80.769.150.000	-	80.769.150.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	74.000.000	-	74.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	74.000.000	-	74.000.000	-
Cộng	150.843.150.000	-	150.843.150.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phải thu các bên kiểm soát về tiền vốn hợp tác kinh doanh để khai thác tàu. Theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh, các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Số tiền góp vốn và tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

- (i) Hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Vận tải Container Hải An. Thời hạn hợp tác của hợp đồng ký mới từ năm 2021 là đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng, hợp đồng ký trước năm 2021 là 5 năm kể từ ngày các bên ký hợp đồng:

	Số tiền	Tỷ lệ vốn góp (%)
Hợp đồng 48-HĐHTKD (ngày 18/4/2017) và Phụ lục số 01 (ngày 05/04/2022)	45.000.000.000	56,25%
Hợp đồng 0101-2021/BCC-HACT (ngày 11/01/2021)	25.000.000.000	25,00%
Cộng	70.000.000.000	

- (ii) Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0122/HĐHTKD ngày 24/01/2022. Số tiền góp vốn của Công ty trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh là 80.769.150.000 VND (tỷ lệ góp vốn là 31,5%). Thời hạn hợp tác đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	21.979.524.750	-	28.357.848.857	-
Công cụ, dụng cụ	599.276.866	-	658.606.160	-
Cộng	22.578.801.616	-	29.016.455.017	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	2.742.867.764	3.345.066.749
Chi phí dầu nhờn	8.148.147.535	5.194.761.663
Các chi phí khác	609.186.931	635.659.131
Cộng	11.500.202.230	9.175.487.543

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	44.983.338	73.665.000
Chi phí sửa chữa tài sản	7.071.423.396	10.297.031.352
Phí sửa chữa lên đà tàu	59.485.915.842	50.247.700.484
Các chi phí khác	132.444.773	-
Cộng	66.734.767.349	60.618.396.836

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	300.572.380.990	323.906.940.254	2.669.191.489.562	3.301.364.546	20.921.370.354	3.317.893.545.706
Mua trong kỳ	-	-	663.831.190.041	-	-	663.831.190.041
Giảm khác do quyết toán	-	-	(3.385.003.785)	-	-	(3.385.003.785)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.476.394.817)	-	(20.843.870.354)	(24.320.265.171)
Số cuối kỳ	300.572.380.990	323.906.940.254	3.326.161.281.001	3.301.364.546	77.500.000	3.954.019.466.791
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.840.040.640	196.623.729.390	13.858.498.632	775.938.182	77.500.000	260.175.706.844
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	161.514.479.363	284.425.065.896	417.489.080.275	1.006.774.089	14.668.209.275	879.103.608.898
Khấu hao trong kỳ	8.558.379.078	8.116.493.346	115.291.727.650	420.904.386	5.603.191	132.393.107.651
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.041.441.638)	-	(14.596.312.466)	(16.637.754.104)
Số cuối kỳ	170.072.858.441	292.541.559.242	530.739.366.287	1.427.678.475	77.500.000	994.858.962.445
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	139.057.901.627	39.481.874.358	2.251.702.409.287	2.294.590.457	6.253.161.079	2.438.789.936.808
Số cuối kỳ	130.499.522.549	31.365.381.012	2.795.421.914.714	1.873.686.071	-	2.959.160.504.346

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.923.769.386.504 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
Mua trong kỳ	-	1.775.000.000	1.775.000.000
Số cuối kỳ	4.945.015.236	3.371.310.000	8.316.325.236
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.596.310.000	1.596.310.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.815.362.621	1.596.310.000	4.411.672.621
Khấu hao trong kỳ	70.643.076	162.356.648	232.999.724
Số cuối kỳ	2.886.005.697	1.758.666.648	4.644.672.345
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.129.652.615	-	2.129.652.615
Số cuối kỳ	2.059.009.539	1.612.643.352	3.671.652.891
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ (*)	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	11.315.650.857	665.572.655.095	(665.606.190.041)	(4.972.594.858)	6.309.521.053
Xây dựng cơ bản dở dang	90.454.545	-	-	(90.454.545)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	582.639.070	23.422.009.133	-	(23.997.648.203)	7.000.000
Cộng	11.988.744.472	688.994.664.228	(665.606.190.041)	(29.060.697.606)	6.316.521.053

(*) Trong đó, Chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị con tàu hoàn thành nhận bàn giao trong kỳ là 7.459.016.393 VND.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.357.129.123	1.075.188.754
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	1.305.949.032	1.024.004.638
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	51.180.091	51.184.116
Phải trả các nhà cung cấp khác	42.133.470.307	36.309.486.908
Baseblue (Asia) Limited	-	11.874.576.648
Công ty Cổ phần Việt Đức	7.803.050.901	3.836.237.631
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	3.729.330.336	1.652.950.600
Công ty TNHH Thương mại Tân Hồng	3.532.221.745	3.532.221.745
Các nhà cung cấp khác	27.068.867.325	15.413.500.284
Cộng	43.490.599.430	37.384.675.662

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	87.709.664	230.192.009	(196.476.314)	121.425.359
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	53.727.393.838	(53.727.393.838)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	365.697.679	(365.697.679)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	80.417.326.029	30.201.174.309	(90.417.326.029)	20.201.174.309
Thuế thu nhập cá nhân	1.004.834.914	3.095.341.716	(2.976.345.644)	1.123.830.986
Tiền thuê đất	-	2.113.470.323	(2.113.470.323)	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	376.268.000	(376.268.000)	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	81.509.870.607	90.114.537.874	(150.177.977.827)	21.446.430.654

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài	0%
- Cung cấp nước ngọt	5%
- Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	8-10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm kể từ năm 2011, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	195.059.996.249	261.081.684.627
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.405.321.086	596.408.178
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.405.321.086	596.408.178
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	196.465.317.335	261.678.092.805
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức, LN được chia)	(5.052.340.898)	(15.716.661.179)
Thu nhập tính thuế	191.412.976.437	245.961.431.626
<i>Trong đó:</i>		
Hoạt động khai thác cảng được hưởng ưu đãi	79.906.337.327	49.452.545.098
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	38.282.595.287	49.192.286.326
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(7.990.633.735)	(4.945.254.510)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(2.472.627.255)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>		5.249.000.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	30.291.961.552	47.023.404.561
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	8.164.688.948	27.780.199.050
Thuế thu nhập doanh nghiệp bên kiểm soát hợp tác kinh doanh nộp hộ	(8.255.476.191)	(8.441.550.732)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	30.201.174.309	66.362.052.879

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích thuê</u>	<u>Mức tiền thuê</u>
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP MHC	35.523,8 m ²	36.210 VND
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 1)	56.305 m ²	19.276 VND
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 2)	48.700 m ²	19.208 VND
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 3)	10.529 m ²	12.630 VND
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 3.1)	3.095 m ²	14.355 VND

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	16.195.738.003	5.096.021.433
Chi phí sửa chữa, nạo vét	3.600.000.000	-
Chi phí môi giới	3.744.905.876	-
Chi phí bảo hiểm chiến tranh	2.906.125.655	-
Chi phí khác	1.791.336.382	570.219.882
Cộng	28.238.105.916	5.666.241.315

15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**16. Phải trả khác****16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	70.572.678.555	146.612.262.319
Lãi Hợp đồng hợp tác kinh doanh	70.032.678.555	146.072.262.319
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	16.724.153.809	68.090.023.821
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	13.893.876.354	11.492.203.539
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	2.010.874.238	5.932.312.746
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	6.350.714.509	34.598.762.976
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	30.781.328.406	25.958.959.237
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	271.731.239	-
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	540.000.000	540.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	25.597.643.653	23.624.352.120
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	24.578.261.378	20.948.484.834
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C - Lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	679.657.068	2.299.303.652
Kinh phí công đoàn	228.702.805	216.079.755
Cổ tức phải trả	60.885.600	76.845.600
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	50.136.802	83.638.279
Cộng	<u>96.170.322.208</u>	<u>170.236.614.439</u>

16b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận vốn góp theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng BCC) số 66/HĐHTKD ngày 08/05/2019, số 68/HĐHTKD ngày 29/06/2020, số 02-2021/HKHTKD ngày 02/02/2021, số 03-2021/HĐHTKD ngày 25/11/2021, số 02-2022/HĐHTKD ngày 15/09/2022 và số 01-2023/HĐHTKD ngày 23/10/2023, trong đó, Công ty là "Bên kiểm soát". Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời hạn hợp tác của hợp đồng là đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	575.218.000.000	575.218.000.000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	334.513.500.000	334.513.500.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	28.325.260.000	28.325.260.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	58.079.240.000	58.079.240.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	62.100.000.000	62.100.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	72.200.000.000	72.200.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	50.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	<u>625.218.000.000</u>	<u>625.218.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số vốn góp theo các hợp đồng như sau:

	Hợp đồng BCC số 66-2019 (tàu Hải An Mind)		Hợp đồng BCC số 68-2020 (tàu Hải An View)		Hợp đồng BCC số 02-2021 (tàu Hải An West)		Hợp đồng BCC số 03-2021 (tàu Hải An City)		Hợp đồng BCC số 02-2022 (tàu Hải An Rose)		Hợp đồng BCC số 01-2023 (tàu Hải An Alfa)		Tổng cộng
	Số tiền		Số tiền		Số tiền		Số tiền		Số tiền		Số tiền		
	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ		
Công ty góp	40.000	53,33%	30.000	30,00%	66.000	60,00%	127.000	52,48%	236.000	51,75%	186.298	56,88%	685.298
Các bên khác góp	35.000	46,66%	70.000	70,00%	44.000	40,00%	115.000	47,51%	220.000	48,25%	141.218	43,12%	625.218
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000	13,33%	30.000	30,00%	33.000	30,00%	20.000	8,26%	135.600	29,74%	105.914	32,34%	334.514
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000	6,67%	5.000	5,00%	-	-	-	-	8.440	1,85%	9.885	3,02%	28.325
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	-	-	10.000	10,00%	-	-	10.000	4,13%	12.660	2,78%	25.419	7,76%	58.079
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000	13,33%	10.000	10,00%	11.000	10,00%	10.000	4,13%	21.100	4,63%	-	-	62.100
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	10.000	13,33%	15.000	15,00%	-	-	5.000	2,07%	42.200	9,25%	-	-	72.200
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	-	-	-	-	-	-	20.000	8,26%	-	-	-	-	20.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	-	-	-	-	-	-	50.000	20,66%	-	-	-	-	50.000
Cộng	75.000	100%	100.000	100%	110.000	100%	242.000	100%	456.000	100%	327.516	100%	1.310.516

Đơn vị tính: Triệu VND

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	50.533.637.769	59.741.828.002
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội ⁽ⁱ⁾	50.533.637.769	59.741.828.002
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	197.452.507.148	179.218.191.102
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	189.905.137.148	169.155.031.102
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	7.547.370.000	10.063.160.000
Cộng	247.986.144.917	238.960.019.104

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo thỏa thuận chung về tiện ích ngày 20 tháng 04 năm 2022 để tài trợ nhu cầu vốn lưu động bao gồm nhưng không giới hạn dịch vụ thương mại bao gồm chi phí thuê xe nâng và xe đầu kéo để khai thác cảng/kho, mua vật tư và thiết bị cho tàu và cảng, chi phí thuê công nhân bên ngoài với thời hạn tối đa là 04 tháng. Lãi suất cụ thể áp dụng với mỗi khoản vay sẽ được xác nhận dưới hình thức thông báo về khoản vay do Ngân hàng phát hành cho Công ty ngay sau khi giải ngân khoản vay hoặc sau mỗi lần xem xét lại lãi suất. Thời hạn duy trì hạn mức tiện ích theo thỏa thuận này là 12 tháng kể từ ngày của thỏa thuận và sẽ được tự động gia hạn nhiều lần và mỗi lần gia hạn với thời hạn 12 tháng trừ khi có thông báo khác đi từ Ngân hàng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	59.741.828.002	179.218.191.102	238.960.019.104
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	63.903.991.382	-	63.903.991.382
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	97.277.896.046	97.277.896.046
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(73.112.181.615)	(79.043.580.000)	(152.155.761.615)
Số cuối kỳ	50.533.637.769	197.452.507.148	247.986.144.917

17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	560.163.306.250	657.441.202.296
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	557.647.526.250	652.409.632.296
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính ⁽ⁱⁱ⁾	2.515.780.000	5.031.570.000
Trái phiếu chuyển đổi dài hạn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	490.481.666.666	-
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	80.000.000.000	-
Daiwa - Ssiam Vietnam Growth Fund III L.P	113.000.000.000	-
Japan South East Asia Finance Fund III L.P	167.000.000.000	-
Vietnam Growth Investment Fund L.P	140.000.000.000	-
Chi phí phát hành trái phiếu	(9.518.333.334)	-
Cộng	1.050.644.972.916	657.441.202.296

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng vay	Mục đích vay/Hạn mức	Thời hạn	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng 02.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/11/2019	đầu tư 2 xe nâng Kalmar, số tiền 12.663.000.000 VND	60 tháng	2 xe nâng Kalmar
Hợp đồng tín dụng số 012021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 09/4/2021	mua tàu biển Hải An West, số tiền 84.378.240.000 VND	60 tháng	tàu biển Hải An West
Hợp đồng tín dụng số 02.2021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 19/05/2021	đầu tư 2 xe nâng Kalmar, số tiền 9.604.886.250 VND	60 tháng	2 xe nâng Kalmar
Hợp đồng tín dụng số 01.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 25/03/2022	đầu tư dự án tàu container Marine Bia (Hải An City), số tiền 341.950.000.000 VND	60 tháng	tàu biển Hải An City
Hợp đồng tín dụng số 02.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 08/11/2022	đầu tư dự án tàu container A Kibo (Hải An Rose), số tiền 280.000.000.000 VND	60 tháng	tàu biển Hải An Rose
Hợp đồng 01.2023/HĐCV/VCB-XDHA ngày 12/12/2023	Đầu tư Dự án đóng mới tàu container thân tàu số HCY-265 (Hải An Alfa), số tiền 333.788.000.000 VND	96 tháng	tàu Hải An Alfa

Thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Các khoản vay có lịch trả nợ gốc và lãi 03 tháng/lần sau thời gian ân hạn quy định trong hợp đồng tín dụng.

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Hội sở chính theo hợp đồng số 0056-2020-HDDTD1-BV007 ngày 17/07/2020 vay để mua sắm tàu container chở hàng đã qua sử dụng (IMO: 9470717) số tiền cho vay là 47.800.000.000 VNĐ, thời hạn cho vay 60 tháng, ngày đến hạn trả nợ là 17/07/2025, tài sản đảm bảo là phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.

(iii) Trong kỳ, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi cho một số nhà đầu tư để đầu tư đóng tàu mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 0206-2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 06 năm 2023. Trái phiếu chuyển đổi của Công ty là trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn). Thông tin chi tiết về trái phiếu chuyển đổi này như sau:

- Thời điểm phát hành : 02/02/2024
- Kỳ hạn gốc : 05 năm
- Ngày đáo hạn : 02/02/2029
- Số lượng trái phiếu phát hành : 500 trái phiếu
- Mệnh giá : 1.000.000.000 VND/trái phiếu
- Lãi suất : 6%/năm
- Tài sản đảm bảo : Một tàu biển thuộc sở hữu của Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Công ty con của tổ chức phát hành theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số HP-CON-002314-2 ngày 04/7/2017 do Chi cục hàng hải Việt Nam cấp. Tổ chức phát hành cam kết sử dụng một tàu đóng mới thuộc sở hữu của tổ chức phát hành hình thành trong tương lai, được HAH đặt đóng mới theo Hợp đồng đóng tàu số HC2021-19 ký ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

04/8/2021 giữa HAH và Huanghai Shipbuilding Co.,Ltd (gọi tắt là Tàu HCY-266) làm tài sản bảo đảm hình thành trong tương lai để thay thế cho tài sản bảo đảm tại ngày phát hành ngày sau khi tàu HCY-266 đủ điều kiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	197.452.507.148	179.218.191.102
Trên 1 năm đến 5 năm	944.983.472.916	530.647.402.296
Trên 5 năm	105.661.500.000	126.793.800.000
Cộng	1.248.097.480.064	836.659.393.398

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn ngân hàng	657.441.202.296	-	(97.277.896.046)	-	560.163.306.250
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (i)	652.409.632.296	-	(94.762.106.046)	-	557.647.526.250
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	5.031.570.000	-	(2.515.790.000)	-	2.515.780.000
Trái phiếu chuyển đổi dài hạn	-	489.616.363.636	-	865.303.030	490.481.666.666
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	-	80.000.000.000	-	-	80.000.000.000
Daiwa - Ssiam	-	113.000.000.000	-	-	113.000.000.000
Vietnam Growth Fund III L.P	-	167.000.000.000	-	-	167.000.000.000
Japan South East Asia Finance Fund III L.P	-	140.000.000.000	-	-	140.000.000.000
Vietnam Growth Investment Fund L.P	-	(10.383.636.364)	-	865.303.030	(9.518.333.334)
Chi phí phát hành trái phiếu	-	-	-	-	-
Cộng	657.441.202.296	489.616.363.636	(97.277.896.046)	865.303.030	1.050.644.972.916

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	51.189.743.813	19.717.000.000	(6.632.431.660)	64.274.312.153
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	34.066.244.434	14.788.000.000	(2.665.200.000)	46.189.044.434
Cộng	85.255.988.247	34.505.000.000	(9.297.631.660)	110.463.356.587

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XEP DỜ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	703.446.670.000	191.640.648.159	352.405.070.809	674.702.801.117	1.922.195.190.085
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	214.058.280.066	214.058.280.066
Trích quỹ trong kỳ	-	-	202.411.000.000	(249.640.000.000)	(47.229.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	703.446.670.000	191.640.648.159	554.816.070.809	639.121.081.183	2.089.024.470.151
Số dư đầu năm nay	1.055.168.810.000	191.640.648.159	554.816.070.809	492.936.349.641	2.294.561.878.609
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	164.768.034.697	164.768.034.697
Trích quỹ trong kỳ	-	-	147.881.000.000	(182.386.000.000)	(34.505.000.000)
Số dư cuối kỳ này	1.055.168.810.000	191.640.648.159	702.697.070.809	475.318.384.338	2.424.824.913.306

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Chủ sở hữu	1.055.168.810.000	1.055.168.810.000
Thặng dư vốn cổ phần	191.640.648.159	191.640.648.159
Cộng	1.246.809.458.159	1.246.809.458.159

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	105.516.881	105.516.881
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	105.516.881	105.516.881
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	105.516.881	105.516.881

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 0204-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế)	: 147.881.000.000
• Trích quỹ hội đồng quản trị (3% lợi nhuận sau thuế)	: 14.788.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (4% lợi nhuận sau thuế)	: 19.717.000.000

Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua quyết định trả cổ tức năm 2023 là 15% cổ tức bằng cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm để trả cổ tức là 15.827.532 cổ phiếu.

Ngày 06/5/2024, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0205-2024/NQ-HĐQT thông qua việc tiến hành các thủ tục để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023. Theo Thông báo số 1136/TB-SGDHCM của Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/6/2024, ngày giao dịch không hưởng quyền là 21/6/2024, ngày đăng ký cuối cùng là 24/6/2024. Theo văn bản số 4079/UBCK-QLCB ngày 01/7/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Báo cáo Kết quả số 1706-2024/BC-HAH ngày 27/6/2024. Theo đó, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 15.826.210 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 ngày 05/7/2024 về việc tăng vốn điều lệ.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

20a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	3.484.491.573	3.484.491.573
Trên 1 năm đến 5 năm	13.937.966.292	13.937.966.292
Trên 5 năm	34.612.233.043	36.354.478.829
Cộng	52.034.690.908	53.776.936.694

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê tổng diện tích đất 154.152,8 m² do Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An sử dụng dưới hình thức thuê hoạt động theo hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê và bằng tiền ngày 25/01/2010 (xem thuyết minh số V.13)

20b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	2.815.119,09	528.620,77
Euro (EUR)	40,54	40,54

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	390.049.734.030	402.947.186.445
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	211.997.087.968	140.733.877.810
Doanh thu hoạt động khác	26.080.393.862	36.792.858.121
Cộng	628.127.215.860	580.473.922.376

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	3.352.377.571	3.157.075.273
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	87.560.075	88.082.916
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	277.611.946	433.458.295
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	1.393.661.386	1.278.605.934

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động khai thác tàu	269.327.286.638	187.582.313.183
Giá vốn của hoạt động khai thác cảng	113.743.192.778	76.491.711.498
Giá vốn của hoạt động khác	17.182.595.570	25.059.250.901
Cộng	400.253.074.986	289.133.275.582

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	472.423.014	154.361.644
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	264.711.777	45.768.901
Lãi tiền cho vay	1.598.171.577	2.808.687.672
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.052.340.898	15.716.661.179
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.947.044.949	1.689.033.767
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	616.322.869	186.354.510
Cộng	9.951.015.084	20.600.867.673

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀ AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	24.186.778.318	21.560.765.616
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	334.956.012	-
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(2.445.872.734)	17.817.685.266
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.755.410.759	392.024.890
Cộng	24.831.272.355	39.770.475.772

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	12.582.235.178	7.039.007.001
Chi phí vật liệu quản lý	223.333.570	192.111.233
Chi phí đồ dùng văn phòng	14.609.089	49.451.655
Chi phí khấu hao tài sản cố định	749.008.602	406.629.665
Thuế, phí và lệ phí	44.274.256	35.587.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.723.380.870	1.497.129.708
Các chi phí khác	5.735.150.999	3.549.752.513
Cộng	21.071.992.564	12.769.669.427

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.190.698.496	286.832.087
Thanh lý chân vịt tàu Hải An Mind đã qua sử dụng	-	1.264.787.339
Thanh lý công cụ dụng cụ	-	445.454.545
Thu nhập khác	40.048.170	166.961.650
Cộng	3.230.746.666	2.164.035.621

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt lĩnh vực hành chính	92.641.456	196.233.417
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	80.183.308
Chi phí khác	-	207.303.537
Cộng	92.641.456	483.720.262

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	108.658.676.931	58.108.941.564
Chi phí nhân công	50.629.994.237	35.417.221.374
Chi phí khấu hao tài sản cố định (*)	102.697.318.139	77.577.558.005
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.452.194.754	51.169.071.863
Chi phí khác	83.886.883.489	79.630.152.203
Cộng	421.325.067.550	301.902.945.009

(*) Chi tiết chi phí khấu hao tài sản cố định như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khấu hao TSCĐ do Công ty quản lý và sử dụng	132.626.107.375	102.340.636.306
Chi phí khấu hao hoạt động BCC phân chia cho các đơn vị	(48.059.020.612)	(39.018.718.093)
Chi phí khấu hao hoạt động BCC nhận phân bổ	18.130.231.376	14.255.639.792
Cộng	102.697.318.139	77.577.558.005

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.16a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Kỳ này		Thu nhập			
		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	886.380.000	847.329.966	60.000.000	1.793.709.966
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT	-	90.000.000	60.000.000	150.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	717.980.691	686.925.900	60.000.000	1.464.906.591
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	50.000.000	60.000.000	110.000.000
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên HĐQT	-	50.000.000	60.000.000	110.000.000
Ông Nguyễn Văn Trúc	Thành viên HĐQT	-	50.000.000	60.000.000	110.000.000
Ông Lê Anh Minh	Thành viên HĐQT (Từ 26/4/2024)	-	-	20.000.000	20.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên HĐQT (Đến 26/4/2024)	-	50.000.000	40.000.000	90.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	484.815.935	342.640.000		827.455.935
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng BKS	30.000.000	78.500.000	30.000.000	138.500.000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên BKS	-	37.000.000	30.000.000	67.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên BKS (Từ 26/4/2024)	-		10.000.000	10.000.000
Ông Bùi Việt Phương	Thành viên BKS (Đến 26/4/2024)	-	18.000.000	20.000.000	38.000.000
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	374.638.411	263.676.923		638.315.334
Cộng		2.493.815.037	2.564.072.789	510.000.000	5.567.887.826
Kỳ trước					
Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT	1.008.117.692	1.319.369.017	60.000.000	2.387.486.709
Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	663.460.000	1.010.487.406	60.000.000	1.733.947.406
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT	-	290.000.000	60.000.000	350.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	600.000.000	60.000.000	660.000.000
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT	-	100.000.000	-	100.000.000
Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên HĐQT	-	290.000.000	60.000.000	350.000.000
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên HĐQT	-	290.000.000	60.000.000	350.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng BKS	-	105.000.000	30.000.000	135.000.000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên BKS	-	66.000.000	30.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên BKS	-	66.000.000	30.000.000	96.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	461.670.000	376.270.609	-	837.940.609
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	327.350.000	265.454.088	-	592.804.088
Cộng		2.460.597.692	4.778.581.120	450.000.000	7.689.178.812

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty TNHH Cảng Hải An
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An
Công ty TNHH Pan Hải An
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An
Công ty Cổ phần Vận tải HAFT
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà

Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.
Công ty Cổ phần Đầu tư Con Cưng
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác kho lạnh DKP

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con gián tiếp
Công ty con gián tiếp
Công ty liên kết
Công ty con của công ty liên kết
Công ty liên kết của Công ty con
Cổ đông lớn, cùng thành viên quản lý chủ chốt
Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con, công ty liên kết trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng từ bên liên quan	-	1.435.000
Chia lợi nhuận BCC cho bên liên quan	5.932.312.746	2.908.484.539
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng từ bên liên quan	3.271.683.485	2.102.718.643
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên		
Chia lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết	271.731.239	99.016.626
Nhận lợi nhuận BCC từ Công ty liên kết	28.768.957.525	24.284.178.767
An Biên chi trả lợi nhuận BCC	-	30.704.069.206
An Biên chi trả lỗ BCC Hải An City	-	7.138.041.531
Vay bên liên quan	-	25.000.000.000
Trả gốc vay bên liên quan	-	25.000.000.000
Lãi vay phải trả bên liên quan	-	287.671.233
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Chi phí cho thuê văn phòng của bên liên quan	1.293.083.415	1.301.133.362
Chia lợi nhuận BCC	6.350.714.509	20.877.897.749
HATS chi trả lợi nhuận BCC	34.598.762.976	36.123.990.865
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Chia lợi nhuận BCC cho bên liên quan	4.822.369.169	14.446.391.462
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng của bên liên quan	65.454.552	68.181.819

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.13 và V.17.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 2: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 3: Hoạt động khác (gồm vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...).

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	390.049.734.030	211.997.087.968	26.080.393.862	628.127.215.860
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	390.049.734.030	211.997.087.968	26.080.393.862	628.127.215.860
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	120.722.447.392	98.253.895.190	8.897.798.292	227.874.140.874
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(21.071.992.564)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				206.802.148.310
Doanh thu hoạt động tài chính				9.951.015.084
Chi phí tài chính				(24.831.272.355)
Thu nhập khác				3.230.746.666
Chi phí khác				(92.641.456)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(30.291.961.552)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				164.768.034.697
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	691.086.580.938	1.429.929.125	176.593.031	692.693.103.094
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	133.893.231.951	14.644.726.964	948.884.593	149.486.843.508
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	402.947.186.445	140.733.877.810	36.792.858.121	580.473.922.376
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	402.947.186.445	140.733.877.810	36.792.858.121	580.473.922.376
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	215.364.873.262	64.242.166.312	11.733.607.220	291.340.646.794
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(12.769.669.427)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				278.570.977.367
Doanh thu hoạt động tài chính				20.600.867.673
Chi phí tài chính				(39.770.475.772)
Thu nhập khác				2.164.035.621
Chi phí khác				(483.720.262)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(47.023.404.561)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				214.058.280.066
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	43.644.274.184	45.952.629.132	-	89.596.903.316
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	102.172.244.039	12.125.443.614	2.807.267.493	117.104.955.146

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.587.564.464.964	223.958.776.726	31.059.322.162	3.842.582.563.852
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				822.938.451.636
Tổng tài sản				4.665.521.015.488
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.068.560.630.463	28.087.285.483	24.662.113.806	2.121.310.029.752
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				119.386.072.430
Tổng nợ phải trả				2.240.696.102.182
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.142.069.109.987	218.922.628.295	156.440.654.936	3.517.432.393.218
Tài sản phân bổ cho bộ phận				-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				689.099.286.387
Tổng tài sản				4.206.531.679.605
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.622.454.608.368	33.356.751.530	81.240.464.284	1.737.051.824.182
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				174.917.976.814
Tổng nợ phải trả				1.911.969.800.996

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngoài sự kiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức đã được trình bày ở Thuyết minh V.19d, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn





**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn